| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN K**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST<br>Ngày 31-01-2024<br>V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Vũ Thị Dịu

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Đặng Thị Đôi

Bà Khúc Thị Minh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Tuyết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2023/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1991; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng. Hiện ở: Thôn G, xã K, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Đình T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 28 tháng 11 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Đỗ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Trần Đình T từ ngày 03 tháng 8 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 68). Vợ chồng chung sống

đến tháng 5 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh T có biểu hiện quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và thường xuyên uống rượu dẫn đến say sỉn, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình, thôn xóm khuyên giải nhưng không có kết quả nên chị phải về nhà mẹ đẻ ở nhiều lần, lần sau cùng từ cuối tháng 11 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con là Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 22/7/2013 và Trần Gia L, sinh ngày 30/7/2015, hiện đang do anh T nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến khi đủ 18 tuổi; nhất trí giao cháu L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, trên cơ sở nguyện vọng của 02 cháu. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con giữa chị và anh T đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Đình T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã trình bày lời khai ngày 04/01/2024 thống nhất với chị H về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh thường xuyên uống rượu, có lúc say sỉn chửi mắng vợ con và không quan tâm đến cuộc sống chung gia đình nên chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở nhiều lần, lần sau cùng từ cuối tháng 11 năm 2023 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn; chị H xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 02 con như chị H đã trình bày. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Gia L đến khi cháu đủ 18 tuổi; nhất trí giao cháu Trần Thị Tuyết N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, trên cơ sở nguyện vọng của 02 cháu. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con giữa anh và chị H đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; anh T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị H và anh T vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn vẫn giữ nguyên toàn bộ nội dung, quan điểm, yêu cầu nêu trên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến*:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H là nguyên đơn, anh T là bị đơn, vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị H, cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Trần Đình T.

- Về con chung: Giao cháu Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 22/7/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao cháu Trần Gia L, sinh ngày 30/7/2015 anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên đương sự đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị H xin ly hôn anh Trần Đình T và yêu cầu giải quyết nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện K. Anh T đang cư trú tại xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Chị H là nguyên đơn, anh T là bị đơn, đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh T.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H xin ly hôn anh Trần Đình T; căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã Đ cung cấp thì hôn nhân của chị Đỗ Thị H và anh Trần Đình T là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn từ tháng 5 năm 2020, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng nghi ngờ nhau không chung thủy, anh T thường xuyên uống rượu, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, chị H về nhà mẹ đẻ ở nhiều lần, lần sau cùng từ cuối tháng 11 năm 2023 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Như vậy đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; yêu cầu xin ly hôn của chị H có cơ sở chấp nhận nên xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa và ý kiến của anh T.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 22/7/2013 và Trần Gia L, sinh ngày 30/7/2015. Nếu ly hôn, anh chị đều thống nhất giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng, giao cháu L cho anh T nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, lời khai của đại diện gia đình đương sự và chính quyền xã Đ cung cấp thì chị H làm nghề kinh doanh nhỏ thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/ tháng, có chỗ ở ổn định cùng bố mẹ đẻ chị H; anh T làm nghề tự do thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định. Các con của anh, chị đều được sự giúp đỡ của hai bên gia đình, đảm bảo, đầy đủ cho các cháu có cuộc sống tốt; mặt khác, nguyện vọng của cháu N được ở với chị H, nguyện vọng của cháu L được ở với anh T. Do đó cần giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, giữa chị H và anh T đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đỗ Thị H không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Trần Đình T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 22/7/2013 cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao cháu Trần Gia L, sinh ngày 30/7/2015 cho anh Trần Đình T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Đỗ Thị H và anh Trần Đình T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0007813 ngày 19 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị H và anh Trần Đình T đều có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Đại Hợp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Dịu**